

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh Quyết định số 350/QĐ-UBND
ngày 15/02/2016 của UBND tỉnh.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 529/TTr-STNMT ngày 29/8/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung tại Điều 1, Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 15/02/2016 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất do ban Quản lý Khu kinh tế Bình Phước quản lý, cho Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú thuê đất để thực hiện dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Nam Đồng Phú như sau:



Tại Điều 1 đã ban hành:

“Thu hồi 690.183,3 m² (sáu trăm chín mươi nghìn một trăm tám mươi ba phẩy ba mét vuông) đất do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước quản lý, cho Công ty cổ phần khu công nghiệp Bắc Đồng Phú thuê đất với diện tích nêu trên để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Nam Đồng Phú, trong đó:

a) Cho thuê đất để xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung trong khu công nghiệp với diện tích: 163.239,8 m² (một trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm ba mươi chín phẩy tám mét vuông), trong đó: đất cây xanh 73.852,1 m², đất đường giao thông 68.339,6 m², đất trong HLLG 10.452,6 m², đất trong hành lang đường điện 10.595,5 m².

b) Cho thuê đất để xây dựng khu công nghiệp, khu thương mại dịch vụ với diện tích: 526.943,5 m² (năm trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm bốn mươi ba phẩy năm mét vuông), trong đó: đất khu công nghiệp 476.114,7 m², đất thương mại dịch vụ 50.828,8 m².

- Vị trí, tứ cận khu đất: được xác định theo Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2.000 do Công ty TNHH MTV Đo đạc Bản đồ Tấn Thành thực hiện.

- Hình thức thuê đất: thuê đất trả tiền hàng năm.

Nay điều chỉnh thành:

“Thu hồi 690.183,0 (sáu trăm chín mươi nghìn một trăm tám mươi ba mét vuông) đất do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước quản lý, cho Công ty cổ phần khu công nghiệp Bắc Đồng Phú thuê đất với diện tích nêu trên để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Nam Đồng Phú, trong đó:

a) Cho thuê đất để xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung trong khu công nghiệp với diện tích: 156.998,0 m² (một trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm chín mươi tám mét vuông), trong đó: trồng cây xanh 76.619,0 m²; đường giao thông 71.450,0 m² (gồm đất giao thông và đất hành lang lộ giới); đất hàng lang đường điện (theo quy hoạch phân khu là đất hạ tầng kỹ thuật) 8.929,0 m².

b) Cho thuê đất để xây dựng khu công nghiệp, khu thương mại dịch vụ với diện tích: 533.185,0 m² (năm trăm ba mươi ba nghìn một trăm tám mươi lăm mét vuông), trong đó: đất khu công nghiệp 481.594,0 m² (theo quy hoạch phân khu là 471.099,0 m² đất nhà máy xí nghiệp và 10.495,0 m² đất hạ tầng kỹ thuật), đất thương mại dịch vụ 51.591,0 m².

- Vị trí, ranh giới khu đất: Được xác định theo bản đồ trích đo địa chính tỷ lệ 1/2.000 do Công ty TNHH MTV Thiết Kế Đo Đạc Phước Gia An thực hiện ngày 14/06/2019; đã được Chi cục Quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra kỹ thuật ngày 01/07/2019.

- Hình thức thuê đất: (có biểu chi tiết kèm theo).

Lý do điều chỉnh: Ngày 14/5/2018, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1008/QĐ-UBND điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Nam Đồng Phú dẫn đến thay đổi cơ cấu sử dụng đất tại Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 15/02/2016 của UBND tỉnh. Nay điều chỉnh lại cho phù hợp hiện trạng, diện tích thực tế.

Điều 2. Các nội dung khác tại Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 15/02/2016 của UBND tỉnh không thay đổi.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Cục Thuế Bình Phước, Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú, Chủ tịch UBND xã Tân Lập, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch Phó Chủ tịch;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng Kinh tế, TT PV HCC;
- Lưu: VT (Đ.Thống TNMT QĐ 104).

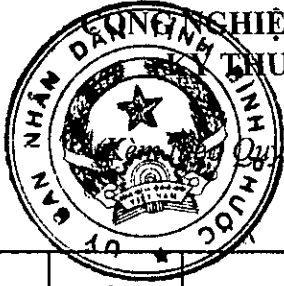
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Huỳnh Anh Minh



**DANH SÁCH CÁC THỬA ĐẤT CHO CÔNG TY CỔ PHẦN KHU
CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ THUÊ ĐỂ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG
KINH DOANH THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP NAM ĐỒNG PHÚ**



Quyết định số 1939/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2019
của UBND tỉnh Bình Phước.)

STT	Số lô	Số thửa đất	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng đất
I. Đất thuê trả tiền một lần để xây dựng nhà máy, xí nghiệp, thương mại, dịch vụ			174.909,6	
1		7	74.963,6	Đất khu công nghiệp
2		10	15.268,0	Đất khu công nghiệp
3		9	78.469,8	Đất khu công nghiệp
4		20	277,6	Đất thương mại, dịch vụ
5		13	2.577,6	Đất thương mại, dịch vụ
6		11	3.353,0	Đất thương mại, dịch vụ
II. Đất thuê trả tiền hàng năm			515.273,4	
A. Đất thuê để xây dựng nhà máy, xí nghiệp, thương mại, dịch vụ			358.275,4	
7		6	88.742,0	Đất khu công nghiệp
8		21	38.170,0	Đất khu công nghiệp
9		14	8.691,0	Đất khu công nghiệp
10		7	91.841,0	Đất khu công nghiệp
11		15	1.804,0	Đất khu công nghiệp
12		8	34.145,0	Đất khu công nghiệp
13		16	17.742,2	Đất khu công nghiệp
14		10	31.757,4	Đất khu công nghiệp
15		11	23.667,0	Đất thương mại, dịch vụ
16		22	1.390,0	Đất thương mại, dịch vụ
17		12	20.325,8	Đất thương mại, dịch vụ
B Đất thuê để xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng đất chung trong khu công nghiệp			156.998,0	
18		1	9.713,3	Đất công trình công cộng khác
19		2	5.650,0	Đất công trình công cộng khác
20		3	11.270,0	Đất công trình công cộng khác
21		4	44.160,4	Đất công trình công cộng khác
22		19	1.207,0	Đất công trình công cộng khác
23		5	3.483,0	Đất công trình công cộng khác
24		18	1.135,3	Đất công trình công cộng khác
25		17	61.243,3	Đất giao thông
26		21	1.592,3	Đất hành lang lộ giới
27			4119,7	Đất hành lang lộ giới
28			3.729,6	Đất hành lang lộ giới
29			765,1	Đất hành lang lộ giới
30			8.929,0	Đất hành lang đường điện
Tổng cộng			690.183,0	